

# Trường Tiểu Học Học Viện Sequoia

## Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học năm 2024-2025 (Công bố trong năm học 2025-2026)

### Thông tin chung về Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC)

#### Tổng quan về SARC



Theo luật của tiểu bang, trước ngày 1 tháng 2 hàng năm, mọi trường học ở California đều phải công bố Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC). SARC bao gồm các thông tin về tình trạng và thành tích của từng trường học công lập tại California. Theo Danh Mục Kiểm Soát Tài Chính Địa Phương (LCFF), tất cả các cơ quan giáo dục địa phương (LEA) đều phải lập Kế Hoạch Tự Chủ và Trách Nhiệm Giải Trình của Địa Phương (LCAP), trong đó mô tả cách họ dự định đạt được các mục tiêu cụ thể hằng năm của trường học cho tất cả học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của tiểu bang và địa phương. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và quyền truy cập các báo cáo của những năm trước, vui lòng tham khảo trang web SARC của Cơ Quan Giáo Dục California (CDE) tại địa chỉ <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, vui lòng truy cập trang web LCFF của CDE tại <https://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>
- Để biết thêm thông tin về trường học, phụ huynh/người giám hộ và thành viên cộng đồng nên liên hệ với hiệu trưởng trường học hoặc văn phòng khu học chánh.

#### DataQuest



DataQuest là một công cụ dữ liệu trực tuyến tích hợp trên trang web DataQuest của CDE tại địa chỉ <https://dq.cde.ca.gov/dataquest/> bao gồm thông tin bổ sung về trường học này và thông tin so sánh giữa trường với khu học chánh và quận. Cụ thể, DataQuest là một hệ thống động cung cấp các báo cáo về trách nhiệm giải trình (ví dụ: dữ liệu khảo thí, tuyển sinh, học sinh tốt nghiệp trung học, bỏ học, số lượng ghi danh khóa học, nhân sự và dữ liệu liên quan đến người học tiếng Anh).

#### Bảng Thông Tin Trường Học Tiểu Bang California



Bảng Thông Tin Trường Học Tiểu Bang California (Bảng Thông Tin) <https://www.caschooldashboard.org/> phản ánh hệ thống cải tiến liên tục và trách nhiệm giải trình mới của California và cung cấp thông tin về cách các LEA và trường học đáp ứng nhu cầu của các nhóm học sinh đa dạng tại California. Bảng Thông Tin chứa các báo cáo hiển thị thành tích hoạt động của LEA, trường học và nhóm học sinh theo một loạt các thước đo của tiểu bang và địa phương để hỗ trợ xác định điểm mạnh, thách thức và lĩnh vực cần cải thiện.

<b>Truy cập Internet</b>	Có thể truy cập Internet tại các thư viện công cộng và những địa điểm khác mà công chúng có thể truy cập (ví dụ: Thư Viện Tiểu Bang California). Việc truy cập Internet tại các thư viện và địa điểm công cộng thường được thực hiện theo nguyên tắc ai đến trước được phục vụ trước. Các hạn chế sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, thời gian sử dụng máy trạm (tùy theo tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm có sẵn trên máy trạm và khả năng in tài liệu.
<b>Yêu Cầu Tuyển Sinh vào Đại Học California (UC)</b>	Yêu cầu tuyển sinh vào UC tuân theo các hướng dẫn nêu trong Kế Hoạch Chung, trong đó yêu cầu một phần tám số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông của tiểu bang, cũng như những học sinh chuyển trường đã hoàn thành các khóa học đại học cụ thể, đủ điều kiện được tuyển sinh vào UC. Những yêu cầu này được thiết kế nhằm đảm bảo tất cả học sinh đủ điều kiện đều được chuẩn bị đầy đủ cho chương trình học ở bậc Đại học. Để biết các yêu cầu tuyển sinh chung, vui lòng truy cập trang web Thông Tin Tuyển Sinh của UC tại địa chỉ <a href="https://admission.universityofcalifornia.edu/">https://admission.universityofcalifornia.edu/</a> .
<b>Yêu Cầu Tuyển Sinh vào Đại Học Tiểu Bang California (CSU)</b>	Điều kiện để được nhận vào CSU được xác định bởi ba yếu tố: (1) Các khóa học cụ thể ở trường trung học, (2) Điểm số ở các khóa học cụ thể và điểm thi, và (3) Tốt nghiệp trung học. Một số trường có tiêu chuẩn cao hơn cho các chuyên ngành cụ thể hoặc học sinh cư trú bên ngoài khu vực trường. Do số lượng học sinh nộp đơn nhiều nên một số trường có tiêu chuẩn cao hơn (tiêu chuẩn tuyển sinh bổ sung) cho tất cả các ứng viên. Hầu hết các cơ sở CSU đều có chính sách đảm bảo tuyển sinh tại địa phương cho học sinh tốt nghiệp hoặc chuyển tiếp từ các trường trung học và cao đẳng có lịch sử liên kết với cơ sở CSU trong khu vực đó. Để biết thông tin về tuyển sinh, cách nộp đơn và lệ phí, vui lòng tham khảo trang web CSU tại địa chỉ <a href="https://www2.calstate.edu/">https://www2.calstate.edu/</a> .

## Thông tin liên lạc của Trường năm học 2025-26

<b>Tên Trường học</b>	Trường Tiểu Học Học Viện Sequoia
<b>Đường phố</b>	5900 Iroquois Road
<b>Thành phố, Tiểu bang, Mã bưu</b>	Westminster, CA 92683
<b>Số điện thoại</b>	714-894-7271
<b>Hiệu Trường</b>	Alisha Tardif
<b>Địa chỉ email</b>	atardif@wsdk8.us
<b>Trang web của Trường</b>	sequoia.wsdk8.us
<b>Phạm vi cấp lớp</b>	K-6
<b>Mã Quận-Khu Học Chánh-Trường</b>	30667466030886

## Thông tin liên lạc của Khu học chánh 2025-26

<b>Tên Khu học chánh</b>	Khu Học Chánh Westminster
<b>Số điện thoại</b>	(714) 894-7311
<b>Giám Đốc Khu Học Chánh</b>	Dr. Gunn Marie Hansen
<b>Địa chỉ email</b>	Cherylsosa@wsdk8.us
<b>Trang web của Khu học chánh</b>	wsdk8.us

## Mô Tả và Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường năm học 2025-26

Thông điệp của Hiệu Trường  
Chúng tôi tự hào về Học Viện Sequoia và coi đây là một cơ hội để chia sẻ thêm với quý vị về trường chúng tôi. Theo Dự

## Mô Tả và Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường năm học 2025-26

Luật 98, mọi trường học ở California đều phải phát hành “Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình” thường niên. Học Viện Sequoia có truyền thống lâu đời về thành tích học tập xuất sắc. Chúng tôi tôn vinh mọi nền văn hóa và ngôn ngữ. Cộng đồng trường hiện có các học sinh và đội ngũ nhân viên đến từ nhiều bối cảnh văn hóa và dân tộc khác nhau. Học sinh, phụ huynh, nhân viên và cộng đồng đã cùng nhau chung tay để đảm bảo thành công cho tất cả học sinh.

Đội ngũ nhân viên tại Học Viện Sequoia tin rằng mỗi trẻ em đều là duy nhất và xứng đáng được hưởng một môi trường giáo dục phong phú. Mỗi học sinh đều được tiếp cận chương trình giảng dạy cốt lõi nghiêm ngặt về ngữ văn, toán học, khoa học và khoa học xã hội. Mục tiêu của chúng tôi là tất cả học sinh đều biết đọc lưu loát vào cuối lớp ba.

Đội ngũ nhân viên chăm chỉ, có kỹ năng cao và tận tâm vì sự thành công của học sinh. Chúng tôi rất may mắn khi có nhiều giáo viên giàu kinh nghiệm và hiểu biết, luôn mong muốn tạo nên sự khác biệt cho học sinh. Chúng tôi tin vào phương pháp lấy học sinh làm trung tâm, xây dựng một môi trường coi trọng nhu cầu xã hội, tình cảm và trí tuệ của trẻ như nhau. Mọi học sinh đều có tài năng đặc biệt và được trao cơ hội để phát triển những tài năng đó. Chúng tôi thực sự quan tâm đến từng học sinh của mình.

Học Viện Sequoia tự hào khi thu hút được sự tham gia của phụ huynh và cộng đồng trong mọi khía cạnh của trường. Chúng tôi chào đón khách đến thăm trường vì nhiều lý do khác nhau, bao gồm Đêm Tựu Trường, Đêm Gia Đình, Ngày Hội Mở, Các buổi biểu diễn của học sinh và các sự kiện đặc biệt khác.

Phương châm của Sequoia là "Thành Tích Học Tập Cao Cho Tất Cả Học Sinh".

### Hồ Sơ Cộng Đồng & Trường Học

Khu Học Chánh Westminster tọa lạc tại thành phố Westminster, California, cách Los Angeles 35 dặm về phía đông nam, thuộc Quận Orange xinh đẹp. Các cơ hội bất động sản, doanh nghiệp tư nhân, công ty tiếp thị và nhiều tổ chức thuộc khu vực tư nhân và khu vực công đều đóng góp không nhỏ cho nền kinh tế địa phương. Khu học chánh phục vụ học sinh các lớp từ mầm non đến lớp tám trong khu vực Westminster cũng như các cộng đồng lân cận là Garden Grove, Huntington Beach và Midway City. Khu học chánh bao gồm bảy trường tiểu học từ Mẫu giáo - Lớp 5, sáu trường tiểu học từ Mẫu giáo - Lớp 6 và ba trường sơ trung. Học Viện Sequoia được thành lập vào năm 1967 và kể từ đó không ngừng cung cấp những công cụ cần thiết để thành công trong cuộc sống cho học sinh từ Mẫu Giáo Chuyển Tiếp đến lớp sáu. Trường Tiểu Học Sequoia hoạt động theo thời khóa biểu truyền thống với 452 học sinh được ghi danh vào đầu năm học 2025-26. Tổng số học sinh ghi danh trong khu học chánh cho năm học 2024-25 xấp xỉ 7,000 học sinh. Biểu đồ sau thể hiện thông tin nhân khẩu học của học sinh.

## Giới thiệu Trường

### Tuyển sinh năm 2024-25 theo từng khối lớp

Khối lớp	Số lượng học sinh
Mẫu Giáo	103
Lớp 1	55
Lớp 2	32
Lớp 3	62
Lớp 4	53
Lớp 5	79
Lớp 6	56
Tổng tuyển sinh	440

## Tuyển sinh năm 2024-25 theo nhóm học sinh

Nhóm học sinh	Phần trăm tổng tuyển sinh
Nữ	49.8
Nam	50.2
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.2
Người gốc Á	26.1
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	2.5
Người gốc Philippines	2.5
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	46.4
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0.9
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	5
Người Da Trắng	13.9
Học Viên Tiếng Anh	16.1
Học sinh vô gia cư	5.5
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	58.6
Học sinh khuyết tật	8.2

### A. Điều kiện học tập

#### Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản (Ưu tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công phù hợp và có đầy đủ chứng chỉ trong lĩnh vực môn học và đối tượng học sinh mà họ giảng dạy;
- Học sinh có quyền tiếp cận các tài liệu giảng dạy phù hợp với tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được bảo trì tốt.

## Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2021-22

Ủy quyền/Phân công	Số trường học	Phần trăm trường học	Số khu học chánh	Phần trăm khu học chánh	Số tiểu bang	Phần trăm tiểu bang
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	21.3	100	378.1	89.28	234405.2	84
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	0	0	0	0	4853	1.74
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai ("không hiệu quả" theo ESSA)	0	0	14.4	3.41	12001.5	4.3
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực ("ngoài lĩnh vực" theo ESSA)	0	0	0.8	0.2	11953.1	4.28
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	0	0	30.1	7.11	15831.9	5.67
<b>Tổng số vị trí giảng dạy</b>	<b>21.3</b>	<b>100</b>	<b>423.4</b>	<b>100</b>	<b>279044.8</b>	<b>100</b>

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

## Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2022-23

Ủy quyền/Phân công	Số trường học	Phần trăm trường học	Số khu học chánh	Phần trăm khu học chánh	Số tiểu bang	Phần trăm tiểu bang
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	23	100	378.6	87.29	231142.4	83.24
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	0	0	0	0	5566.4	2
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai ("không hiệu quả" theo ESSA)	0	0	4.1	0.95	14938.3	5.38
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực ("ngoài lĩnh vực" theo ESSA)	0	0	14.6	3.38	11746.9	4.23
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	0	0	36.3	8.38	14303.8	5.15
<b>Tổng số vị trí giảng dạy</b>	<b>23</b>	<b>100</b>	<b>433.7</b>	<b>100</b>	<b>277698</b>	<b>100</b>

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

## Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2023-24

Ủy quyền/Phân công	Số trường học	Phần trăm trường học	Số khu học chánh	Phần trăm khu học chánh	Số tiểu bang	Phần trăm tiểu bang
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	21	95.45	357.2	88.87	230039.4	100

<b>Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp</b>	0	0	0	0	6213.8	2.23
<b>Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)</b>	1	4.55	3.8	0.96	16855	6.04
<b>Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)</b>	0	0	11.8	2.94	12112.8	4.34
<b>Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng</b>	0	0	29	7.23	13705.8	4.91
<b>Tổng số vị trí giảng dạy</b>	22	100	401.9	100	278927.1	100

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

### Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (được coi là “không hiệu quả” theo ESSA)

Ủy quyền/Phân công	2021-22	2022-23	2023-24
<b>Giấy phép và Miễn trừ</b>	0.00	0	0
<b>Phân công sai</b>	0.00	0	1
<b>Vị trí trống</b>	0.00	0	0
<b>Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai</b>	0.00	0	1

### Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (được coi là “ngoài lĩnh vực” theo ESSA)

Chỉ số	2021-22	2022-23	2023-24
<b>Giáo viên có chứng chỉ được cấp phép hoặc miễn trừ</b>	0.00	0	0
<b>Các tùy chọn phân công nội bộ</b>	0.00	0	0
<b>Tổng số giáo viên ngoài lĩnh vực</b>	0.00	0	0

### Phân công lớp học

Chỉ số	2021-22	2022-23	2023-24
<b>Phân công sai cho Người học tiếng Anh</b> (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp học có Người học tiếng Anh được giảng dạy bởi giáo viên được phân công sai)	0	0	5.2
<b>Không có bằng cấp, giấy phép hoặc ủy quyền giảng dạy</b> (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp học được giảng dạy bởi các giáo viên không có hồ sơ ủy quyền giảng dạy)	0	0	0

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo trang web Định Nghĩa về Công Bằng của Giáo Viên được cập nhật tại địa chỉ <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>.

### Chất lượng, Tính cập nhật, Tính sẵn có của Sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy khác năm 2025-

Khu Học Chánh Westminster đã tổ chức một buổi điều trần vào ngày 16 Tháng Mười, 2025 và xác định rằng mỗi trường học trong khu học chánh đều có đầy đủ sách giáo khoa, tài liệu giảng dạy hoặc thiết bị phòng thí nghiệm khoa học chất lượng tốt, theo thỏa thuận dàn xếp trong vụ Williams kiện Tiểu Bang California. Sách giáo khoa các môn học chính và tài liệu giảng dạy được cung cấp cho mỗi học sinh, bao gồm cả người học tiếng Anh.

Các văn bản và tài liệu theo tiêu chuẩn được dành riêng để sử dụng trong lớp học và mang về nhà. Tất cả sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy sử dụng trong trường đều tuân thủ Khung Chương Trình của Tiểu Bang California, Hội Đồng Giáo Dục Tiểu Bang và Tiêu chuẩn của Khu Học Chánh.

Khu Học Chánh Westminster luôn tích cực trong quy trình lựa chọn tài liệu và sách giáo khoa. Quy trình lựa chọn có sự tham gia của giáo viên, thành viên ban giám hiệu, nhân viên hỗ trợ của khu học chánh và phụ huynh. Khu Học Chánh tuân thủ Chu Kỳ Phê Chuẩn Sách Giáo Khoa của Tiểu Bang California, yêu cầu mọi trường học phải rà soát lại bộ sách giáo khoa ở từng lĩnh vực chương trình giảng dạy theo chu kỳ bảy năm; sách giáo khoa được thay mới theo tỷ lệ một lĩnh vực môn học mỗi năm. Bảng này liệt kê danh sách các sách giáo khoa mới nhất được phê chuẩn trong các lĩnh vực môn học chính của trường tính đến ngày 16 Tháng Mười, 2025.

**Năm và tháng dữ liệu được thu thập**

Tháng Mười, 2025

Môn học	Danh sách bộ sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy khác/Nêu rõ từ lần thông qua gần đây nhất / Năm thông qua	Phần trăm học sinh không có bản sao được giao riêng
<b>Độc/Ngữ văn</b>	McGraw-Hill World of Wonders/2017 McGraw-Hill World of Wonders with integrated ELD (Program 2)/2017 McGraw-Hill StudySync/2017 McGraw-Hill StudySync with Integrated ELD (Program 2)/2017 Scholastic Read 180/System 44/2011	0
<b>Toán</b>	McGraw-Hill (My Math)/2016 Big Ideas Learning (Big Ideas Math)/2016	0
<b>Khoa Học</b>	McGraw-Hill Inspire Science/2020 Savvas Elevate Science/2020 Pearson Campbell Biology/2020	0
<b>Lịch sử-Khoa học xã hội</b>	Savvas Learning Company/2022	0
<b>Nghệ thuật thị giác và biểu diễn</b>	McMillan McGraw-Hill (Spotlight on Music California) / 2009 Pearson/Scott Foresman (Art) / 2009	0
<b>Thiết bị phòng thí nghiệm khoa học (lớp 9-12)</b>	KHÔNG ÁP DỤNG	

Lưu ý: Các ô có giá trị Không áp dụng không yêu cầu dữ liệu.

## Điều kiện cơ sở vật chất của trường và những cải tiến theo kế hoạch

Trường Tiểu Học Sequoia mang đến khuôn viên trường an toàn và bảo mật cho học sinh, nhân viên và khách thăm. Biểu đồ thể hiện kết quả thanh tra cơ sở vật chất gần đây nhất do khu học chánh thực hiện vào Tháng Bảy, 2025.

### Quy Trình và Lịch Biểu Vệ Sinh

Hội đồng quản lý khu học chánh đã áp dụng các tiêu chuẩn vệ sinh cho tất cả các trường học trong khu học chánh. Tất cả các trường đều có lịch vệ sinh định kỳ. Mỗi lớp học đều được quét dọn hoặc hút bụi và đổ rác. Nhà ăn, phòng đa năng và tất cả các phòng vệ sinh đều được dọn dẹp hằng ngày. Sân vườn được cắt tỉa luân phiên, các vấn đề về rác thải, bãi cỏ và hệ thống ống nước được xử lý hằng ngày.

## Điều kiện cơ sở vật chất của trường và những cải tiến theo kế hoạch

### Bảo Trì và Sửa Chữa

Đội ngũ bảo trì của Khu Học Chánh đảm bảo các sửa chữa cần thiết để trường học luôn trong tình trạng tốt và các phiếu yêu cầu công việc sẽ được hoàn thành kịp thời. Quy trình phiếu yêu cầu công việc được sử dụng để bảo đảm dịch vụ hiệu quả và công tác sửa chữa khẩn cấp sẽ được ưu tiên cao nhất.

### Ngân Sách Bảo Trì Phân Kỳ

Hàng năm, học khu sẽ đánh giá các nhu cầu bảo trì phân kỳ và lập ngân sách cho từng cơ sở trường học. Tùy thuộc vào khả năng có sẵn nguồn kinh phí, học khu sẽ ưu tiên các nhu cầu về an toàn trước tiên rồi mới ưu tiên các công việc sửa chữa cơ sở vật chất khác tương ứng. Thông thường, các công việc bảo trì phân kỳ bao gồm sửa chữa mái nhà, hệ thống ống nước, hệ thống sưởi ấm, điều hòa không khí, hệ thống điện, lát đường và lát sàn.

Năm và tháng lập báo cáo FIT gần đây nhất

7/24/2025

Hệ thống đã được kiểm tra	Đánh giá Tốt	Đánh giá Trung bình	Đánh giá Kém	Cần sửa chữa và hành động đã thực hiện hoặc lên kế hoạch
<b>Hệ thống:</b> Rò rỉ khí gas, Cơ khí/HVAC, Cống rãnh	X			
<b>Nội thất:</b> Bề mặt nội thất	X			: Phòng học di động R1-R7: Một vài tấm trần bị ố màu trong các phòng học di động R
<b>Độ sạch sẽ:</b> Độ sạch sẽ chung, Sự xâm nhập của sâu bọ	X			
<b>Điện</b>	X			
<b>Nhà vệ sinh/Bồn rửa:</b> Nhà vệ sinh, bồn rửa		X		Phòng đa năng: Gạch ốp trong phòng vệ sinh cần được sửa chữa. Vòi nước uống cần thay thế trong MPR
<b>An toàn:</b> An toàn cháy nổ, Vật liệu nguy hại	X			
<b>Kết cấu:</b> Hư hỏng về kết cấu, Mái nhà	X			
<b>Ngoại thất:</b> Sân chơi/Sân trường, Cửa sổ/Cửa ra vào/Cống/Hàng rào	X			

## Đánh giá chung về cơ sở vật chất

Mẫu mực	Tốt	Trung bình	Kém
	X		

## B. Kết quả học tập của học sinh

### Ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích của học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích của học sinh (Ưu tiên 4):

#### Bài Đánh Giá Toàn Tiểu Bang

(cụ thể là Hệ Thống Bài Đánh Giá Thành Tích và Tiến Bộ của Học Sinh California [CAASPP] bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced dành cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Bài Đánh Giá Thay Thế California [CAA] dành cho môn ngữ văn Anh/đọc viết [ELA] và toán được tổ chức cho học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một. Chỉ những học sinh đủ điều kiện mới có thể tham gia bài đánh giá CAA. Các mục kiểm tra trong bài đánh giá CAA được liên kết với các tiêu chuẩn thành tích thay thế, có liên quan đến Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] dành cho học sinh có khuyết tật nhận thức nghiêm trọng nhất).

Hệ thống CAASPP bao gồm các bài đánh giá và yêu cầu tham gia của học sinh như sau:

- Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA cho môn ELA** từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một.
- Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA cho môn Toán** từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một.
- Bài Kiểm Tra Khoa Học California (CAST) và CAA về Khoa học** ở lớp năm, lớp tám và một lần ở bậc trung học (tức là lớp mười, lớp mười một hoặc lớp mười hai).

#### Mức độ sẵn sàng vào Đại học và Đi làm

Tỷ lệ học sinh đã hoàn thành các khóa học đáp ứng được các yêu cầu tuyển sinh vào Đại Học California và Đại Học Tiểu Bang California, hoặc các chương trình hoặc trình tự giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp.

## Tỷ lệ học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn của tiểu bang trong CAASPP

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn ELA và Toán cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Kết quả kiểm tra ELA và Toán bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Môn học	Trường học 2023-24	Trường học 2024-25	Khu học chánh 2023-24	Khu học chánh 2024-25	Tiểu bang 2023-24	Tiểu bang 2024-25
<b>Ngữ văn Anh/Đọc viết</b> (lớp 3-8 và 11)	55	57	53	54	47	48
<b>Toán</b> (lớp 3-8 và 11)	50	54	45	45	35	37

## Kết quả khảo thí CAASPP năm 2024-25 môn ELA theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn ELA theo nhóm học sinh cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Kết quả kiểm tra ELA bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Lưu ý: Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

Nhóm học sinh CAASPP	Tổng ghi danh CAASPP	Số tham gia khảo thí CAASPP	Phần trăm tham gia khảo thí CAASPP	Phần trăm không tham gia khảo thí CAASPP	Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn CAASPP
Tất cả học sinh	249	249	100.00	0.00	56.63
Nữ	120	120	100.00	0.00	70.00
Nam	129	129	100.00	0.00	44.19
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Á	60	60	100.00	0.00	80.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	--	--	--	--	--
Người gốc Philippines	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	118	118	100.00	0.00	40.68
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	17	17	100.00	0.00	76.47
Người Da Trắng	38	38	100.00	0.00	60.53
Học Viên Tiếng Anh	28	28	100.00	0.00	14.29
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi	0	0	0	0	0
Học sinh vô gia cư	--	--	--	--	--
Quân đội	--	--	--	--	--
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	89	89	100.00	0.00	46.07
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	21	21	100.00	0.00	38.10

## Kết quả khảo thí CAASPP năm 2024-25 môn Toán theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn Toán theo nhóm học sinh cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Kết quả kiểm tra môn Toán bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Lưu ý: Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

Nhóm học sinh CAASPP	Tổng ghi danh CAASPP	Số tham gia khảo thí CAASPP	Phần trăm tham gia khảo thí CAASPP	Phần trăm không tham gia khảo thí CAASPP	Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn CAASPP
Tất cả học sinh	249	249	100.00	0.00	53.82
Nữ	120	120	100.00	0.00	52.50
Nam	129	129	100.00	0.00	55.04
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Á	60	60	100.00	0.00	81.67
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	--	--	--	--	--
Người gốc Philippines	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	118	118	100.00	0.00	36.44
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	17	17	100.00	0.00	82.35
Người Da Trắng	38	38	100.00	0.00	50.00
Học Viên Tiếng Anh	28	28	100.00	0.00	14.29
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi	0	0	0	0	0
Học sinh vô gia cư	--	--	--	--	--
Quân đội	--	--	--	--	--
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	89	89	100.00	0.00	41.57
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	21	21	100.00	0.00	28.57

## Kết quả khảo thí CAASPP môn Khoa học dành cho tất cả học sinh

Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm tất cả học sinh lớp năm, lớp tám và trung đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn của Tiểu bang.

Kết quả kiểm tra môn Khoa học bao gồm CAST và CAA môn Khoa học. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong CAST cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA cho môn Khoa học chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá môn khoa học.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

Môn học	Trường học 2023-24	Trường học 2024-25	Khu học chánh 2023-24	Khu học chánh 2024-25	Tiểu bang 2023-24	Tiểu bang 2024-25
<b>Khoa Học</b> (lớp 5, 8 và trung học)	36.92	22.78	35.46	36.89	30.73	32.52

## Kết quả khảo thí CAASPP năm 2024-25 môn Khoa học theo nhóm học sinh

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Nhóm học sinh	Tổng tuyển sinh	Số tham gia khảo thí	Phần trăm tham gia khảo thí	Phần trăm không tham gia khảo thí	Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
Tất cả học sinh	79	79	100.00	0.00	22.78
Nữ	46	46	100.00	0.00	23.91
Nam	33	33	100.00	0.00	21.21
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0	0	0
Người gốc Á	20	20	100.00	0.00	55.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	--	--	--	--	--
Người gốc Philippines	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	37	37	100.00	0.00	2.70
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0	0	0	0	0
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--	--
Người Da Trắng	11	11	100.00	0.00	27.27
Học Viên Tiếng Anh	--	--	--	--	--
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi	0	0	0	0	0
Học sinh vô gia cư	0	0	0	0	0
Quân đội	--	--	--	--	--
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	33	33	100.00	0.00	12.12
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	--	--	--	--	--

## B. Kết quả học tập của học sinh

### Ưu tiên của Tiểu bang: Kết quả khác của học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Các kết quả khác của học sinh (Ưu tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong môn giáo dục thể chất.

## Tỷ lệ tham gia Bài Kiểm Tra Thể Lực California 2024-25

Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm học sinh tham gia từng thành phần trong số năm thành phần kiểm tra thể lực của Bài Kiểm Tra Thể Lực California. Bài thi PFT chỉ yêu cầu kết quả tham gia cho năm thành phần kiểm tra thể lực này. Tỷ lệ phần trăm không được tính toán và dấu gạch ngang kép (--) xuất hiện trong bảng khi số lượng học sinh được kiểm tra từ mười trở xuống, có thể là do số lượng học sinh trong danh mục này quá ít để đảm bảo độ chính xác về mặt thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Khối lớp	Thành phần 1: Bài tập hiếu khí	Thành phần 2: Sức bền và Sức mạnh cơ bụng	Thành phần 3: Duỗi thân, Sức mạnh và Độ dẻo dai	Thành phần 4: Sức mạnh và Sức bền của thân trên	Thành phần 5: Độ linh hoạt
Lớp 5	93.67%	96.20%	98.73%	97.47%	100%

## C. Mức độ gắn kết

### Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu tiên 3): Những nỗ lực của khu học chánh nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp của phụ huynh trong việc đưa ra quyết định liên quan đến khu học chánh và tại mỗi cơ sở trường học.

## Cơ hội tham gia của phụ huynh năm 2025-26

Học Viện Sequoia khuyến khích mối tương quan tích cực giữa sự tham gia của phụ huynh và cộng đồng để hỗ trợ thành công của học sinh. Phụ huynh và các thành viên cộng đồng được khuyến khích tham gia nhiều hoạt động, chương trình và tổ chức hỗ trợ học sinh cùng với giáo viên và thành viên ban lãnh đạo khu học chánh. Nhiều chương trình và hoạt động được thực hiện tốt hơn nhờ sự đóng góp hào phóng từ các nguồn sau: 3 Câu Lạc Bộ Lãnh Đạo Học Sinh, Hội Đồng Trường Học, Ủy Ban Cố Vấn Người Học Tiếng Anh, Tình nguyện Viên Phụ Huynh & Cộng Đồng, Ủy Viên Kế Hoạch Tổng Thể Cơ Sở Vật Chất và Hội Phụ Huynh Giáo Viên (PTA).

Học Viện Sequoia khuyến khích tất cả phụ huynh tham gia vào các hoạt động của trường. Sự tham gia của phụ huynh là một phần không thể thiếu trong chương trình của trường. Các sự kiện Đêm Tựu Trường, Hội Nghị Phụ Huynh, Triển Lãm Học Thuật, Ngày Hội Mở, Ăn Trưa Trên Bãi Cỏ, Câu Lạc Bộ Bữa Sáng và Cà Phê với Hiệu Trưởng được thiết kế để chào đón phụ huynh, thu thập ý kiến đóng góp và trả lời các câu hỏi. Trường cũng có Hội Phụ Huynh Giáo Viên (PTA) luôn hoạt động tích cực và đăng bản tin hằng tuần để cung cấp cho phụ huynh thông tin cập nhật về các lớp học của trường. Phụ huynh được khuyến khích đặt lịch hẹn với giáo viên của con mình vào bất kỳ thời điểm nào trước khi lên lịch hẹn với hiệu trưởng.

## Vắng mặt thường xuyên năm 2024-25 theo nhóm học sinh

Nhóm học sinh	Ghi danh tích lũy	Tuyển sinh đủ điều kiện vắng mặt thường xuyên	Số lượng vắng mặt thường xuyên	Tỷ lệ vắng mặt thường xuyên
Tất cả học sinh	464	457	45	9.8
Nữ	228	224	23	10.3
Nam	236	233	22	9.4
Phi nhị giới	--	--	--	--
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--
Người gốc Á	121	119	6	5.0
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	15	15	5	33.3
Người gốc Philippines	11	11	0	0.0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	214	212	26	12.3
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	22	22	1	4.5
Người Da Trắng	64	63	6	9.5
Học Viên Tiếng Anh	76	75	9	12.0
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi	--	--	--	--
Học sinh vô gia cư	27	25	5	20.0
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	298	295	39	13.2
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	48	47	9	19.1

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

### C. Mức độ gắn kết

#### Ưu tiên của Tiểu bang: Môi Trường Học Đường

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Môi trường học đường (Ưu tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ học tập;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các biện pháp nội bộ khác về cảm giác an toàn

## Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học

Bảng này hiển thị dữ liệu về tỷ lệ đình chỉ.

Đình chỉ								
Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Trường học 2024-25	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Khu học chánh 2024-25	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24	Tiểu bang 2024-25
0	1.81	1.72	3.83	2.23	2.05	3.6	3.28	2.94

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Bảng này hiển thị dữ liệu về tỷ lệ đuổi học.

Đuổi học								
Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Trường học 2024-25	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Khu học chánh 2024-25	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24	Tiểu bang 2024-25
0	0	0	0	0	0	0.08	0.07	0.06

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

## Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học theo nhóm học sinh năm 2024-25

Nhóm học sinh	Tỷ lệ đình chỉ	Tỷ lệ đuổi học
Tất cả học sinh	1.72	0.00
Nữ	0.44	0.00
Nam	2.97	0.00
Phi nhị giới	0.00	0.00
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.00	0.00
Người gốc Á	0.00	0.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	20.00	0.00
Người gốc Philippines	0.00	0.00
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	1.40	0.00
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0.00	0.00
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	0.00	0.00
Người Da Trắng	3.13	0.00
Học Viên Tiếng Anh	1.32	0.00
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0.00	0.00
Học sinh vô gia cư	3.70	0.00
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	2.01	0.00
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0.00	0.00
Học sinh khuyết tật	6.25	0.00

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

## Kế Hoạch An Toàn Trường Học 2025-26

Học Viện Sequoia mang đến khuôn viên trường an toàn và bảo mật cho học sinh, nhân viên và khách thăm. Trường được xây dựng từ năm 1967, cung cấp cơ sở vật chất hiện đại cùng không gian đầy đủ cho học sinh và nhân viên. Học Viện Sequoia bao gồm một khu mẫu giáo, trung tâm thư viện, phòng thí nghiệm công nghệ, phòng đa năng và 27 phòng học. Trường còn có sân chơi rộng rãi với xích đu, cầu trượt, xà ngang và sân cỏ để chạy nhảy, chơi thể thao và trò chơi.

Kế Hoạch An Toàn Trường Học Toàn Diện của Trường Tiểu Học Sequoia được rà soát hằng năm nhằm bảo vệ cho học sinh và nhân viên, trường học và tài sản của trường, đồng thời xây dựng môi trường thuận lợi cho hoạt động học tập. Hội Đồng Giáo Dục đã phê duyệt Kế Hoạch An Toàn Trường Học vào ngày 20 Tháng Mười Một, 2025. Tất cả nhân viên đều có bản sao kế hoạch này và tham dự các buổi tập huấn hằng năm về chính sách an toàn trường học. Học sinh tham gia học tập trực tiếp sẽ được các nhân viên và giáo viên chuyên trách giám sát suốt cả ngày.

Ngoài ra, các cuộc diễn tập phòng ngừa động đất, diễn tập cứu hỏa và diễn tập trú ẩn tại chỗ cũng được tổ chức thường xuyên. Trong trường hợp khẩn cấp, Kế Hoạch Ứng Phó Thảm Họa của trường đã xác định rõ các quy trình ứng phó với khủng hoảng và các vật tư, đồ dùng khẩn cấp được chuẩn bị sẵn sàng.

Hiệu Trường rà soát Tài Liệu ngày 16 Tháng Chín, 2025

Đội Ngũ Nhân Viên rà soát Tài Liệu ngày 24 Tháng Chín, 2025

Hội Đồng Trường Học phê duyệt ngày 29 Tháng Chín, 2025

Hội Đồng Quản Lý Trường Học WSD phê duyệt ngày 20 Tháng Mười Một, 2025

## D. Thông tin SARC khác

## Thông tin bắt buộc trong SARC

Thông tin trong phần này phải có trong SARC nhưng không được đưa vào danh sách ưu tiên của tiểu bang cho LCFF.

## Quy mô lớp học trung bình cho bậc tiểu học và Phân bố quy mô lớp học năm 2022-23

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bố quy mô lớp học năm 2022-23. Các cột có tiêu đề “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi lớp). Thể loại “Khác” dành cho các lớp có nhiều trình độ.

Khối lớp	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-20 học sinh	Số lượng lớp học với 21-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh trở lên
Mẫu giáo	20	2	2	0
1	20	3	0	0
2	24	0	2	0
3	23	2	1	0
4	21	1	2	0
5	22	1	2	0
6	22	1	1	0
Khác	0	0	0	0

## Quy mô lớp học trung bình cho bậc tiểu học và Phân bổ quy mô lớp học năm 2023-24

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bổ quy mô lớp học năm 2023-24. Các cột có tiêu đề “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi lớp). Thể loại “Khác” dành cho các lớp có nhiều trình độ.

Khối lớp	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-20 học sinh	Số lượng lớp học với 21-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh trở lên
Mẫu giáo	27	0	2	0
1	20	1	0	0
2	26	0	2	0
3	25	0	2	0
4	26	0	3	0
5	27	0	2	0
6	28	0	2	0
Khác	28	0	2	0

## Quy mô lớp học trung bình cho bậc tiểu học và Phân bổ quy mô lớp học năm 2024-25

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bổ quy mô lớp học năm 2024-25. Các cột có tiêu đề “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi lớp). Thể loại “Khác” dành cho các lớp có nhiều trình độ.

Khối lớp	Trung bình Quy mô lớp học	Số lượng lớp học với 1-20 học sinh	Số lượng lớp học với 21-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh trở lên
Mẫu giáo	19	2	1	
1	18	1	2	
2	16	2		
3	21	1	2	
4	27		2	
5	26		3	
6	28		2	

## Tỷ lệ học sinh so với cố vấn học tập năm 2024-25

Bảng này hiển thị tỷ lệ học sinh so với Cố vấn học tập. Một Tương đương toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian.

Chức danh	Tỷ lệ
Học sinh so với Cố vấn học tập	954

## Nhân viên Dịch Vụ Hỗ Trợ Học Sinh năm 2024-25

Bảng này hiển thị số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được phân công cho trường này. Một Tương đương toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Danh mục "Khác" dành cho tất cả các vị trí nhân viên dịch vụ hỗ trợ học sinh khác không được liệt kê.

Chức danh	Số lượng FTE được phân công cho trường
Cố vấn (Phát triển học thuật, xã hội/hành vi hoặc nghề nghiệp)	1
Giáo viên truyền thông thư viện (Thủ thư)	
Nhân viên dịch vụ truyền thông thư viện (Hỗ trợ)	
Chuyên gia tâm lý	
Nhân viên xã hội	
Chuyên gia về phát âm/ngôn ngữ/thính giác	1
Chuyên gia nguồn lực (không giảng dạy)	

## Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên tại trường trong năm tài chính 2023-24

Bảng này hiển thị chi phí cho mỗi học sinh và mức lương giáo viên trung bình của trường này trong năm 2023-24. Các ô có giá trị Không áp dụng không yêu cầu dữ liệu.

Cấp độ	Tổng chi tiêu cho mỗi học sinh	Chi tiêu cho mỗi học sinh (Hạn chế)	Chi tiêu cho mỗi học sinh (Không hạn chế)	Lương trung bình của giáo viên
Trường	\$ 22,434.61	\$ 12,293.85	\$ 10,140.76	\$109,725.00
Khu học chánh	Không áp dụng	KHÔNG ÁP DỤNG	\$ 10,604.71	\$117,105
Phần trăm chênh lệch - Điểm trường và Khu học chánh	KHÔNG ÁP DỤNG	KHÔNG ÁP DỤNG	-4.6%	-6.5
Các Bài Đánh Giá	KHÔNG ÁP DỤNG	Không áp dụng	\$11,146	\$101,700
Phần trăm chênh lệch - Điểm trường và Tiểu bang	Không áp dụng	KHÔNG ÁP DỤNG	-200.0	7.6

## Các loại dịch vụ được cấp kinh phí trong năm tài chính 2024-25

- Liên Bang, ECIA/ESEA/IASA
- Liên Bang, Giáo Dục Đặc Biệt, Quyền theo UDC
- Liên Bang, Giáo Dục Đặc Biệt, Các khoản tài trợ tự quyết định
- Liên Bang, Nguồn quỹ từ thuốc/rượu/thuốc lá
- Liên Bang, Hợp đồng liên ngành
- Kế Hoạch Tổng Thể về Giáo Dục Đặc Biệt - Năm hiện tại
- Danh Mục Kinh Phí Tự Chủ của Địa Phương
- Phương Tiện Đưa Đón Giáo Dục Đặc Biệt
- Các Khoản Tài Trợ Hỗ Trợ Công Nghệ Giáo Dục
- Khoản Tài Trợ McKinney-Vento

## Lương giáo viên và ban giám hiệu trong năm tài chính 2023-24

Bảng này hiển thị mức lương của Giáo viên và Ban giám hiệu trong năm 2023-24. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, vui lòng tham khảo trang web Lương và Phúc lợi Chứng nhận CDE tại địa chỉ <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Danh mục	Số tiền cho Khu học chánh	Trung bình của tiểu bang cho Khu học chánh trong cùng một Danh mục
Lương giáo viên mới	\$53,741	\$61,597
Lương giáo viên có thâm niên trung bình	\$98,849	\$98,902
Mức lương cao nhất của Giáo viên	\$136,442	\$126,340
Mức lương trung bình của Hiệu trưởng (Tiểu học)	\$139,908	\$158,383
Mức lương trung bình của Hiệu trưởng (Sơ trung)	\$139,908	\$165,207
Mức lương trung bình của Hiệu trưởng (Trung học)		\$162,237
Mức lương của Giám Đốc Khu Học Chánh	\$348,400	\$288,332
Phần trăm ngân sách cho Lương giáo viên	34.44%	31.29%
Phần trăm ngân sách dành cho Lương của Ban giám hiệu	4.35%	5.38%

## Phát triển Chuyên môn

Mỗi năm có ba ngày phát triển chuyên môn cho đội ngũ nhân viên khu học chánh, nhân viên hành chính và nhân viên có chứng chỉ. Các chủ đề trong những ngày này được xác định theo các lĩnh vực trọng tâm cấp khu học chánh như an toàn, phê chuẩn chương trình giảng dạy và các biện pháp hỗ trợ giảng dạy cũng như ý kiến đóng góp từ đội ngũ nhân viên cho các buổi "lên tiếng và lựa chọn" phù hợp với các nhu cầu cụ thể như hỗ trợ xã hội-cảm xúc và kết quả đánh giá nhân viên. Ngoài ra, khu học chánh còn dành thời gian nghỉ hai lần một tháng cho các nhóm học tập chuyên môn cùng nhau làm việc và học tập. Nhân viên được cấp chứng chỉ cũng tham gia chương trình phát triển chuyên môn hai lần một tháng vào Thứ Tư thông qua cộng đồng học tập chuyên môn theo nhóm hoặc các buổi đào tạo chuyên môn nhắm mục tiêu. Các chuyên gia hỗ trợ giảng dạy cung cấp chương trình hướng dẫn trong lớp học và phát triển chuyên môn diễn ra liên tục trong suốt cả năm. Nhân viên khu học chánh cũng tham dự các hội nghị và khóa đào tạo bên ngoài do cơ sở nhà trường xác định như các biện pháp can thiệp và hỗ trợ hành vi, đào tạo AVID, đào tạo Write From the Beginning & Beyond, hội nghị về kỹ năng đọc và viết, hội nghị công nghệ, đào tạo STEM và hội nghị GATE.

Bảng này hiển thị số ngày học dành riêng cho phát triển nhân viên và cải tiến liên tục.

Môn học	2023-24	2024-25	2025-26
Số ngày học dành cho Phát triển nhân viên và Cải tiến liên tục	3	3	